

Số: 540 /KH-UBND

Tiền Giang, ngày 26 tháng 12 năm 2023

## KẾ HOẠCH

### Phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2023 - 2025

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt "Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"; Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 885/QĐ-BTTTT ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Bộ tiêu chí đánh giá phát triển hạ tầng số của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết 08-NQ/TU ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Tỉnh ủy Tiền Giang về chuyển đổi số tỉnh Tiền Giang đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 3205/CVT-PTHT ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Cục Viễn thông về hướng dẫn xây dựng Kế hoạch phát triển hạ tầng số tại địa phương; Công văn số 3115/BTTTT-CVT ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về xây dựng Kế hoạch phát triển hạ tầng số giai đoạn 2023 - 2025 của địa phương;

Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2023 - 2025 như sau:

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích

- Phát triển hạ tầng viễn thông đáp ứng yêu cầu thông tin liên lạc phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của các cấp ủy Đảng, chính quyền và nhu cầu thông tin liên lạc, giải trí của Nhân dân; sẵn sàng đáp ứng nhu cầu về kết nối và xử lý dữ liệu và đảm bảo an toàn thông tin mạng.

- Phát triển hạ tầng số (bao gồm hạ tầng viễn thông băng rộng, hạ tầng trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây, hạ tầng công nghệ số, nền tảng số có tính chất hạ tầng) băng rộng, siêu rộng, phổ cập, xanh, an toàn, bền vững, mở, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Hạ tầng số được phát triển nhanh, phát triển trước phục vụ phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của tỉnh góp phần hoàn thành các mục tiêu trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh; các Nghị quyết chuyên đề, định hướng của Tỉnh ủy và Hội đồng nhân dân tỉnh có liên quan.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về hạ tầng viễn thông; tăng cường chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng viễn thông của tỉnh. Đảm bảo an toàn an ninh mạng lưới, giảm thiểu các sự cố mất thông tin liên lạc, đảm bảo môi trường, cảnh quan đô thị.

## **2. Yêu cầu**

- Phát triển hạ tầng số phải bám sát quan điểm, định hướng lớn, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm và hoàn thành các mục tiêu trong Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết 08-NQ/TU ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Tỉnh ủy Tiền Giang về chuyển đổi số tỉnh Tiền Giang đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

- Hạ tầng số được lập kế hoạch, triển khai song song, đồng bộ với hạ tầng giao thông, hạ tầng điện, hạ tầng chiếu sáng, hạ tầng công trình ngầm, các hạ tầng kỹ thuật khác.

- Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp phối hợp phát triển hạ tầng số theo nguyên tắc dùng chung, chia sẻ.

- Hạ tầng số phát triển theo hướng mở, ảo hóa, tối ưu cho việc dùng chung để có thể được cung cấp như một dịch vụ, trong đó giải pháp đột phá là hạ tầng điện toán đám mây và các nền tảng số.

- Phát triển hạ tầng số phải đảm bảo tính kế thừa, đồng bộ, có bước đi và lộ trình cụ thể.

- Hạ tầng số được phát triển an toàn, tin cậy, góp phần tạo lập niềm tin số.

## **II. HIỆN TRẠNG HẠ TẦNG SỐ**

### **1. Mạng viễn thông băng rộng di động**

- Tỷ lệ thuê bao băng rộng di động/100 dân: 76,85%.

- Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh/tổng thuê bao điện thoại di động: 74,60%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh: 80%.

- Tốc độ băng rộng di động (tốc độ trung bình theo i-Speed): 30 Mbps.

- Tỷ lệ áp, khu phố được phủ sóng di động băng rộng: 100%.

- Tỷ lệ dùng chung vị trí BTS: 30%.

### **2. Mạng viễn thông băng rộng cố định**

- Số thuê bao băng rộng cố định/100 dân: 22,69%.

- Tỷ lệ phần trăm hộ gia đình có truy nhập Internet băng rộng cố định (cáp quang FTTH): 77,92%.

- Tốc độ băng rộng cố định (tốc độ trung bình theo i-Speed): 94.82 Mbps.

- Tỷ lệ áp, khu phủ được phủ băng rộng cố định (cáp quang FTTH): 100%.

### **3. Hạ tầng trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây**

Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh được đầu tư nâng cấp và vận hành các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh như: Hệ thống thư điện tử công vụ, hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành, hệ thống phần mềm một cửa điện tử,... Tuy nhiên, chưa triển khai theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây tại Trung tâm tích hợp dữ liệu.

### **4. Hạ tầng công nghệ số**

- Mạng truyền số liệu chuyên dùng được triển khai đến các cơ quan cấp tỉnh, huyện, xã. Hiện nay, đã kết nối 172/172 xã, phường, thị trấn; 11/11 huyện, thị xã, thành phố; các sở, ban, ngành và một số đơn vị trực thuộc các sở, ngành; phục vụ các cuộc họp trực tuyến từ Trung ương đến cấp xã trên địa bàn tỉnh. Tốc độ kết nối tối thiểu tại các sở, ban, ngành, huyện/thành phố là 10Mbps; tốc độ kết nối tối thiểu đối với cấp xã là 4Mbps.

- Hệ thống Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tỉnh kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu nội bộ của tỉnh và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Quốc gia (NDXP) để trao đổi, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan.

- Nền tảng tích hợp kho dữ liệu số dùng chung đã hoàn thành xây dựng nền tảng tích hợp dữ liệu số dùng chung của tỉnh để kết nối, tích hợp, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu dùng chung của tỉnh, đang tích hợp các cơ sở dữ liệu tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh.

- Hạ tầng kết nối IoT, một số ứng dụng đã được thương mại hóa, nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trong cuộc sống, triển khai có hiệu quả trong các lĩnh vực giám sát giao thông, môi trường nước, v.v.

- Hạ tầng công nghệ thông tin tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh và các sở, ban, ngành, địa phương vận hành ổn định, thông suốt, đáp ứng yêu cầu phục vụ ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền số của tỉnh.

### **5. Nền tảng số**

Đạt 5/7 nền tảng số đã triển khai theo Công văn số 2224/BTTTT-THH ngày 9/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc tập trung thúc đẩy sử dụng các nền tảng số trên địa bàn trong năm 2022 (02 nền tảng số tỉnh chưa triển khai: Triển khai nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất toàn tỉnh, thành phố phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước; Triển khai nền tảng trợ lý ảo phục vụ công chức, viên chức). Tuy nhiên các nền tảng số chưa triển khai tập trung tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh.

## **III. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2025**

### **1. Mạng viễn thông băng rộng di động**

- Tỷ lệ thuê bao băng rộng di động/100 dân: 80%.
- Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh/tổng thuê bao điện thoại di động: 100%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh: Trên 95%.
- Tốc độ băng rộng di động (tốc độ trung bình theo i-Speed): 70 Mbps.
- Tỷ lệ áp, khu phố được phủ sóng di động băng rộng: Duy trì 100%.
- Tỷ lệ dùng chung vị trí BTS: 35%.

## **2. Mạng viễn thông băng rộng cố định**

- Số thuê bao băng rộng cố định/100 dân: 25%.
- Tỷ lệ phần trăm hộ gia đình có truy nhập Internet băng rộng cố định (cáp quang FTTH): Trên 85%.
- Tốc độ băng rộng cố định (tốc độ trung bình theo i-Speed): 150 Mbps.
- Tỷ lệ áp, khu phố được phủ băng rộng cố định (cáp quang FTTH): duy trì 100%.

## **3. Hạ tầng trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây**

Xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu mới theo hướng hiện đại, đáp ứng sự phát triển trong giai đoạn tới của các hệ thống Chính quyền số, đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn cao, đảm bảo việc vận hành thông suốt của các hệ thống thông tin của tỉnh dựa trên công nghệ điện toán đám mây.

## **4. Hạ tầng công nghệ số**

- Triển khai đầy đủ các nền tảng số theo Công văn số 2224/BTTTT-THH ngày 09/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về tập trung thúc đẩy sử dụng các nền tảng số trên địa bàn trong năm 2022.

- Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT), từng bước triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng để thực hiện chuyển đổi bộ phận cấu thành của hạ tầng số. Các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu, hạ tầng giao thông, đô thị, xây dựng phải có nội dung nghiên cứu, phân tích để xem xét, bổ sung hạng mục ứng dụng, kết nối mạng IoT, tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số. Các nội dung phát triển hạ tầng IoT phải bảo đảm hiệu quả, phát triển các hạ tầng dùng chung, tránh đầu tư trùng lặp.

- Phát triển, ứng dụng mạnh mẽ, hiệu quả các công nghệ số mới như điện toán đám mây (Cloud Computing), dữ liệu lớn (Big Data), di động (Mobility), trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain),... trong xây dựng, triển khai các ứng dụng dịch vụ số tại tỉnh.

## **5. Nền tảng số**

- Triển khai thí điểm tích hợp các ứng dụng, hệ thống vào nền tảng số ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn (Big Data), phân tích dữ liệu dựa trên công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) để đưa ra các kết quả báo cáo chính xác, nhanh chóng phục vụ công tác chỉ đạo điều hành.

- Xây dựng ứng dụng số phục vụ công dân số và doanh nghiệp số, trong đó triển khai thí điểm nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ mới để triển khai hệ thống như: ứng dụng trả lời tự động (Chatbot) người dân, doanh nghiệp về tra

cứu thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến, phản ánh kiến nghị, đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

- Triển khai nền tảng số quản lý, vận hành, khai thác chính quyền số nhằm cung cấp các dịch vụ nền tảng cho toàn bộ hệ thống Chính quyền số, gồm các nền tảng thành phần như: nền tảng tích hợp dữ liệu số; nền tảng số hóa dữ liệu; nền tảng phân tích dữ liệu số; nền tảng giám sát hoạt động các hệ thống số; nền tảng thanh toán trực tuyến; nền tảng xác thực và định danh số...

- Tập trung triển khai các nền tảng từ Trung ương: nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử quốc gia; nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động; các nền tảng phục vụ chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực ưu tiên.

#### **IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

##### **1. Nhiệm vụ**

a) Đẩy mạnh đầu tư vào các hạ tầng băng rộng, ứng dụng các công nghệ mới

- Đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng cố định tốc độ cao, tăng cường phát triển thuê bao băng rộng cố định (FTTH) tới hộ gia đình; đảm bảo cung cấp dịch vụ truy nhập Internet băng thông rộng tốc độ cao được phổ cập tới các cơ quan, tổ chức, bệnh viện, trường học,... Ưu tiên phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng chất lượng cao trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện, địa điểm du lịch trên địa bàn tỉnh.

- Đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng di động chất lượng cao (4G/5G) trên phạm vi toàn tỉnh; thực hiện lộ trình dừng công nghệ di động cũ (2G/3G) và thúc đẩy sử dụng điện thoại thông minh cho người dân.

- Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT) đáp ứng được yêu cầu của các lĩnh vực có liên quan như công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị; ứng dụng IoT vào quản lý, giải quyết các mục tiêu về phát triển và quản lý hạ tầng (đặc biệt là hạ tầng đô thị).

- Đầu tư, xây dựng, phát triển, mở rộng hạ tầng trung tâm dữ liệu, hạ tầng điện toán đám mây đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng trên địa bàn tỉnh.

- Chuyển đổi mạng lưới, hệ thống thông tin sang sử dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6).

- Mở rộng vùng cung cấp dịch vụ viễn thông trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa các phương thức cáp quang, di động đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng.

- Tăng cường phối hợp, chia sẻ, sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động để tăng hiệu quả đầu tư, phát triển, xây dựng hạ tầng của doanh nghiệp bảo đảm mỹ quan và an toàn cho người dân.

- Phát triển mạng truyền số liệu chuyên dùng trở thành hạ tầng truyền dẫn căn bản thống nhất, ổn định, an toàn, thông suốt, kết nối từ cấp tỉnh đến cấp xã, kết nối các hệ thống thông tin, nền tảng, ứng dụng phục vụ Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của tỉnh.

- Triển khai các hoạt động thúc đẩy phổ cập điện thoại di động thông minh theo Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025; hỗ trợ người dân tiếp cận nhanh với quá trình chuyển đổi số, khai thác hiệu quả các dịch vụ số.

#### b) Phát triển hạ tầng điện toán đám mây

- Khuyến khích, thúc đẩy các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân sử dụng các nền tảng điện toán đám mây, sản phẩm dịch vụ trên nền tảng điện toán đám mây do các doanh nghiệp Việt Nam cung cấp.

- Nghiên cứu, ban hành các chính sách, tiêu chuẩn yêu cầu tích hợp, sử dụng hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng IoT trong việc phát triển các lĩnh vực của kinh tế số như thương mại điện tử; chăm sóc sức khỏe từ xa; công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

c) Chuyển đổi từ cung cấp dịch vụ viễn thông truyền thống sang cung cấp dịch vụ số, phát triển các nền tảng cung cấp hạ tầng như dịch vụ.

- Triển khai các hạ tầng số phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử, hướng tới Chính quyền số.

- Đầu tư, xây dựng, phát triển các nền tảng số cung cấp hạ tầng như dịch vụ, phục vụ cho các lĩnh vực kinh tế số, xã hội số.

#### d) Hạ tầng công nghệ số

- Thúc đẩy ứng dụng công nghệ số (AI, Blockchain, IoT) trong các lĩnh vực dịch vụ công như: nông nghiệp, giao thông, lưu trữ dữ liệu và quản trị số, hỗ trợ tính minh bạch, dịch vụ công trực tuyến.

- Tăng cường quản lý quyền sở hữu trí tuệ, bằng sáng chế, nhãn hiệu và bản quyền công nghệ số có giá trị cao. Khuyến khích các doanh nghiệp hợp tác thiết lập một cơ chế bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thông qua nhóm bằng sáng chế công nghệ số, liên minh sở hữu trí tuệ công nghệ số và các mô hình khác.

#### đ) Phát triển nền tảng số

- Sử dụng các nền tảng số do cơ quan nhà nước chủ quản, doanh nghiệp Việt Nam phát triển, làm chủ công nghệ, phục vụ hoạt động quản lý nhà nước hoặc cung cấp dịch vụ công phục vụ xã hội bao gồm: nền tảng định danh và xác thực điện tử quốc gia, nền tảng địa chỉ số, bản đồ số; nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu; nền tảng dạy học trực tuyến; nền tảng học kỹ năng trực tuyến mở (MOOCS), nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa; nền tảng trợ lý ảo hỗ trợ công chức và người dân.

- Phát triển các nền tảng số phục vụ chuyển đổi số ngành của các ngành, lĩnh vực: Y tế, giáo dục, tài chính, ngân hàng, nông nghiệp, giao thông vận tải, logistics, năng lượng, tài nguyên và môi trường, sản xuất công nghiệp.

- Thúc đẩy phát triển các nền tảng số do doanh nghiệp làm chủ quản, làm chủ công nghệ, cung cấp dịch vụ phục vụ nhu cầu chuyển đổi số của các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức.

## 2. Giải pháp

### a) Thông tin, tuyên truyền

- Truyền thông, phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho người dân như: sử dụng Internet, thư điện tử, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử, dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm an toàn thông tin cá nhân.

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về lợi ích của chuyển đổi từ hạ tầng công nghệ thông tin đơn lẻ sang điện toán đám mây nhằm tăng tỷ lệ sử dụng điện toán đám mây của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; lộ trình dừng công nghệ di động 2G của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Xây dựng chuyên trang, chuyên mục, phổ biến kết quả, thành tựu của các doanh nghiệp viễn thông trong quá trình phát triển hạ tầng số phục vụ chương trình chuyển đổi số của tỉnh.

### b) Hạ tầng số là hạ tầng thiết yếu

- Bảo đảm trong đồ án quy hoạch hạ tầng giao thông; khu đô thị, dân cư; các khu, cụm công nghiệp... phải thể hiện đầy đủ nội dung quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc, phù hợp với quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Triển khai Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh về hỗ trợ cho các hộ nghèo, cận nghèo được tiếp cận chương trình phổ cập điện thoại thông minh (smartphone), dịch vụ viễn thông công ích.

- Quản lý xây dựng và đảm bảo chất lượng xây dựng các công trình viễn thông theo quy định; tạo điều kiện bố trí vị trí khi xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông.

- Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu, tỷ trọng kinh tế từ dịch vụ viễn thông cơ bản (thoại, dữ liệu) sang dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông.

### c) Thu hút nguồn lực của xã hội tham gia đầu tư, phát triển hạ tầng số

- Khuyến khích doanh nghiệp tư nhân có đủ năng lực tham gia xây dựng hạ tầng viễn thông cho chuyển đổi số.

- Khuyến khích mọi thành phần kinh tế cùng tham gia xây dựng, phát triển, khai thác hạ tầng viễn thông và xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng viễn thông thụ động (cột anten, cột treo cáp, cống bê tông, hào và tuynel kỹ thuật); đa dạng hóa các dịch vụ viễn thông.

### d) Hợp tác trong nước và quốc tế

- Tăng cường trao đổi hợp tác với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về phát triển hạ tầng viễn thông trở thành hạ tầng số.

- Đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong lĩnh vực viễn thông. Phối hợp trao đổi kinh nghiệm về xây dựng chính sách, pháp luật viễn thông, đào tạo chuyên gia quản lý, kỹ thuật viễn thông.

- Tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực viễn thông phù hợp với pháp luật Việt Nam.

## V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch bố trí từ dự toán chi ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành. Lồng ghép kinh phí thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án khác có liên quan, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động sử dụng dự toán được giao hàng năm để thực hiện các nhiệm vụ gắn vào nhiệm vụ chuyên môn từng ngành.

2. Các nguồn huy động hợp pháp khác.

## VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các doanh nghiệp viễn thông tổ chức triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch này.

b) Hướng dẫn các cơ quan báo chí truyền thông trong tỉnh thông tin, tuyên truyền về nội dung Kế hoạch này và kết quả phát triển hạ tầng số phục vụ chuyển đổi số của tỉnh.

c) Phối hợp các cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông trong công tác quản lý nhà nước về viễn thông, triển khai các giải pháp định hướng, tạo điều kiện cho doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh phát triển, nâng cao chất lượng dịch vụ, năng lực cạnh tranh.

d) Phối hợp với các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong việc phát triển, dùng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động với hạ tầng của các ngành khác tại địa phương.

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các nội dung Kế hoạch về Bộ Thông tin và Truyền thông và Ủy ban nhân dân tỉnh. Kịp thời tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong quá trình triển khai đảm bảo phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

e) Hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển hạ tầng, mạng lưới đảm bảo theo Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (*Quyết định số 557/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh*).

g) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn các doanh nghiệp Viễn thông trên địa bàn tỉnh, thực hiện một số nội dung sau:

- Xây dựng Kế hoạch và tổ chức thực hiện đảm bảo hoàn thành các mục tiêu có liên quan nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, năng lực cạnh tranh.

- Tuân thủ các quy định về cấp phép và quản lý xây dựng đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; chấp hành các quy định về sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật; tăng cường việc chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng viễn thông và hạ tầng kỹ thuật liên ngành; xác định giá cho thuê công trình hạ tầng kỹ thuật được sử dụng chung do doanh nghiệp đầu tư.



- Phối hợp với các sở, ngành, các đơn vị và các doanh nghiệp liên quan đến đầu tư hạ tầng, thống nhất phương án đầu tư xây dựng và sử dụng chung cơ sở hạ tầng; đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đồng bộ với đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật khác. Đồng thời, phải thực hiện nghiêm việc chỉnh trang, bó gọn dây cáp viễn thông đảm bảo vệ mỹ quan tại các xã, huyện trên địa bàn tỉnh; đặc biệt là các xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

- Cung cấp các số liệu liên quan để phục vụ thẩm tra, xác minh số liệu báo cáo, đánh giá phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh.

## **2. Sở Tài chính**

Tham mưu, bố trí vốn chi thường xuyên hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước cho các cơ quan, địa phương để thực hiện các nội dung của Kế hoạch này.

## **3. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh trong việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp thu hút đầu tư, phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh.

## **4. Sở Xây dựng**

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn thực hiện việc xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phù hợp với quy hoạch kiến trúc, đô thị của tỉnh và quy định của pháp luật về xây dựng.

## **5. Sở Khoa học và Công nghệ**

a) Chủ trì triển khai các nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số. Bố trí kinh phí đề tài, dự án, tạo điều kiện để các tổ chức, doanh nghiệp công nghệ số tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến phát triển hạ tầng số (AI, Blockchain, IoT,...) trên địa bàn tỉnh.

b) Hướng dẫn hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp trong đăng ký, sử dụng quyền sở hữu trí tuệ, bằng sáng chế, nhãn hiệu và bản quyền công nghệ.

## **6. Các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

a) Theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi nhất để các doanh nghiệp viễn thông xây dựng, phát triển hạ tầng số theo quy định; chủ trì, phối hợp tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong chia sẻ, sử dụng hạ tầng viễn thông thụ động với hạ tầng kỹ thuật liên ngành khác (giao thông, xây dựng, điện, nước,...).

b) Sử dụng các nền tảng số, các nền tảng điện toán đám mây, sản phẩm dịch vụ trên nền tảng điện toán đám mây do cơ quan nhà nước chủ quản, doanh nghiệp Việt Nam phát triển, làm chủ công nghệ, phục vụ hoạt động quản lý nhà nước hoặc cung cấp dịch vụ công phục vụ xã hội.

c) Hỗ trợ bảo vệ hạ tầng số, xử lý các vụ việc phá hoại hạ tầng số, cản trở xây dựng các công trình viễn thông trên địa bàn.

## **7. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

a) Xây dựng, ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số tại địa phương.

b) Chỉ đạo các đơn vị, địa phương hỗ trợ, tạo điều kiện các doanh nghiệp viễn thông triển khai các nhiệm vụ phát triển hạ tầng, nâng cao chất lượng dịch vụ viễn thông trên địa bàn quản lý phù hợp với quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; thực hiện rà soát và làm việc với doanh nghiệp hoặc chi nhánh doanh nghiệp trên địa bàn tổ chức triển khai thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ ở các khu vực, vị trí lồi sóng di động, khu vực mà hộ gia đình có nhu cầu sử dụng Internet cấp quang nhưng chưa có cáp quang phục vụ tới.

c) Hỗ trợ phát triển hạ tầng số: bố trí không gian, địa điểm để lắp đặt thiết bị, nhà trạm, công trình viễn thông, hỗ trợ, thúc đẩy dùng chung hạ tầng viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác.

d) Tổ chức thông tin, tuyên truyền về lộ trình dùng công nghệ di động 2G của Bộ Thông tin và Truyền thông. Tập trung thông tin, tuyên truyền tại các hệ thống siêu thị, chuỗi bán lẻ, cửa hàng thiết bị viễn thông trong việc chấp hành đầy đủ quy định pháp luật (giấy chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy) trong việc kinh doanh các sản phẩm điện thoại di động tại địa phương.

đ) Thông tin tuyên truyền, hướng dẫn về Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (VTCI) cho các đối tượng (hộ nghèo, hộ cận nghèo,...) được hỗ trợ sử dụng dịch vụ VTCI tại địa phương nắm biết, đăng ký sử dụng (khi có nhu cầu) theo Thông tư số 14/2022/TT-BTTTT ngày 28/10/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định danh mục, chất lượng dịch vụ VTCI và hướng dẫn thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025.

## **8. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, đề nghị Báo Ấp Bắc**

- Tăng cường thông tin tuyên truyền tạo sự đồng thuận của người dân và xã hội hiểu rõ mục đích, ý nghĩa của việc phát triển hạ tầng số, chung tay xây dựng cùng các cấp chính quyền.

- Xây dựng chuyên mục tuyên truyền, phổ biến kết quả, thành tựu trong quá trình phát triển hạ tầng số phục vụ Chương trình chuyển đổi số của tỉnh.

## **VII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO**

Định kỳ **trước ngày 01/12 hàng năm**; các sở, ban, ngành tỉnh liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố báo cáo kết quả thực hiện về Sở Thông tin và Truyền thông (*lồng ghép báo cáo các nội dung của Kế hoạch này vào báo cáo về công tác Chuyển đổi số tại Kế hoạch số 370/KH-UBND ngày 08/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh*) để tổng hợp, đánh giá, báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.


Trên đây là Kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2023 - 2025. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện nghiêm túc các nội dung tại Kế hoạch này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc và cần sửa đổi, bổ sung Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị kịp thời thông tin về Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Thông tin và Truyền thông*) để xem xét, quyết định. / *ZM*

**Nơi nhận:**

- Bộ Thông tin và Truyền thông (báo cáo);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP: CVP, các PVP, TTPVHCC&KSTT;
- Báo Ấp Bắc; Đài PT&TH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT (Vinh). *tran*

**CHỦ TỊCH** *BVL*



*Nguyễn Văn Vĩnh*